CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP H2C ĐẠI VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP H2C ĐẠI VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H2C DAI VIET INDUSTRY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H2C DAI VIET

2. Mã số doanh nghiệp: 0110457952

3. Ngày thành lập: 22/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9 Tòa nhà 3D Center, Số 3 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0372110042* Fax:

Email: *infor.h2c@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4530*
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4541*
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4543*
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659(Chính)*
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*4662*
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*

18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
19.	Khai thác quặng sắt	*0710*
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	*8559*
21.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
24.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
25.	Lập trình máy vi tính	*6201*
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
28.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán)	*7020*
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
30.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
31.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
32.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
33.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
34.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	*2021*
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	*2029*
38.	Sản xuất sợi nhân tạo	*2030*
39.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*

40.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
43.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
44.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
46.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
47.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
48.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
49.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
50.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	*2399*
51.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
52.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ kinh doanh vàng miếng)	*2420*
53.	Đúc sắt, thép	*2431*
54.	Đúc kim loại màu	*2432*
55.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
56.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
57.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
58.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
60.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
61.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	*2599*
62.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
64.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
65.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
66.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
67.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
68.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
69.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
70.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
71.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
72.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
73.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*

74.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
75.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
76.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
77.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
78.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
79.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
80.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
81.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
82.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
83.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
84.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
85.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
86.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
87.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
88.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
89.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
90.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
91.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
92.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
93.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
94.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
95.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
96.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
97.	Bưu chính	*5310*
98.	Chuyển phát	*5320*
99.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	*3011*
100.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	*3012*
101.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	*3020*
102.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	*3030*
103.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
104.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
105.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
106.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
107.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*

108.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
109.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
110.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
111.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
112.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
113.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*3290*
114.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
115.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
116.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
117.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
118.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
119.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
120.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
121.	Sản xuất điện	*3511*
122.	Truyền tải và phân phối điện (Không bao gồm truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	*3512*
123.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	*3520*
124.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
125.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
126.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
127.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
128.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*

6. Vốn điều lệ: 8.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HOÀN	Việt Nam	Thôn Xuân Chiểu, Xã Vĩnh Ninh, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	4.747.200.000	55,200	026197007420	
2	PHẠM QUANG HUY	Việt Nam	Xóm Nam Tiền Tiến, Xã Diễn Kim, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	412.800.000	4,800	040090034008	

3	PHẠM VĂN HỌC	Việt Nam	Tổ 7, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.440.000.000	40,000	034090007201	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: PHẠM QUANG HUY Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/04/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040090034008*

Ngày cấp: *08/04/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Nam Tiền Tiến, Xã Diễn Kim, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Nam Tiền Tiến, Xã Diễn Kim, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội